

## **BỘ TƯ PHÁP**

### **MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2025/NĐ-CP NGÀY 18/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2021/NĐ-CP NGÀY 23/12/2021 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Ngày 18/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là Nghị định số 68/2025/NĐ-CP). Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/5/2025.

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, góp phần bảo đảm việc thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) có hiệu quả trên thực tế; bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, tạo thuận lợi và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong thời gian tới.

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

##### **1. Cơ sở chính trị**

Ngày 09/11/2022, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó, đề ra một số các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như: “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán*” (Mục 2 Phần III của Nghị quyết); (ii) “*Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững*” (Mục 3 Phần IV của Nghị quyết)

##### **2. Cơ sở pháp lý**

2.1. Ngày 23/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 118/2021/NĐ-CP), trong đó, quy định các yêu cầu, nguyên tắc để làm

căn cứ quy định tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước về hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính...

2.2. Ngày 24/6/2023, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 của kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, trong đó giao Chính phủ có trách nhiệm: *“Tổ chức rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật..., xác định cụ thể những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan..., kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản dưới luật không còn phù hợp...”*. Bên cạnh đó, tại Báo cáo số 658/BC-UBTVQH15 ngày 20/10/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có ý kiến *“kiến nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Tư pháp căn cứ yêu cầu về rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV để nghiên cứu, rà soát tổng thể trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118 hoặc đề xuất sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính cho phù hợp với thực tiễn”*.

2.3. Ngày 22/6/2023, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Giao dịch điện tử (có hiệu lực từ ngày 01/7/2024) điều chỉnh việc thực hiện giao dịch bằng phương thức điện tử. Trong đó, Luật này có quy định về giấy phép, chứng chỉ hành nghề do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phát hành dưới dạng dữ liệu điện tử hay việc giấy phép, chứng chỉ hành nghề được thể hiện dưới hình thức là thông điệp dữ liệu. Nội dung này liên quan trực tiếp đến các quy định về tạm giữ, tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

2.4. Ngày 27/11/2023, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Căn cước (có hiệu lực từ ngày 01/7/2024) điều chỉnh về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, căn cước điện tử; giấy chứng nhận căn cước; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong đó, Luật này có quy định về việc sử dụng thẻ căn cước điện tử và Ứng dụng định danh quốc gia, trong đó có tích hợp các thông tin về giấy phép lái xe. Nội dung này cũng liên quan trực tiếp đến các quy định về tạm giữ, tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

2.5. Ngày 05/01/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, trong đó, Bộ Tư pháp được giao xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã đề xuất và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho phép xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2021/NĐ-CP theo trình tự thủ tục rút gọn.

### **3. Cơ sở thực tiễn**

**3.1.** Trong quá trình triển khai thi hành Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Bộ Tư pháp đã nhận kiến nghị của cử tri và văn bản từ bộ, ngành, địa phương phản ánh một số vướng mắc, bất cập lớn, cụ thể là:

(1) Quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật để xử phạt trong một số trường hợp chưa có cách hiểu thống nhất, ví dụ như việc áp dụng quy định về thủ tục, biểu mẫu đối với hành vi vi phạm đã kết thúc từ trước thời điểm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC có hiệu lực;...

(2) Chưa có quy định về việc xác định thế nào là một hành vi vi phạm hành chính để áp dụng tình tiết vi phạm hành chính nhiều lần hoặc tái phạm.

(3) Quy định về áp dụng hình thức phạt tiền; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả chưa có quy định cụ thể về một số trường hợp như: Nguyên tắc xác định mức phạt tiền; thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn trong trường hợp hành vi vi phạm có 01 tình tiết tăng nặng, 01 tình tiết giảm nhẹ sau khi đã bù trừ; chưa quy định đầy đủ nguyên tắc xác định mức phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần hoặc thực hiện nhiều hành vi vi phạm; việc áp dụng hình thức tước quyền sử dụng có thời hạn và thời hạn còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngắn hơn thời hạn tước quyền sử dụng theo quy định của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP chưa bảo đảm tính răn đe, công bằng.

(4) Quy định liên quan đến lập biên bản vi phạm hành chính tại Điều 58 Luật XLVPHC và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Quy định về các trường hợp áp dụng thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính tại các điểm c và đ khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP chưa rõ ràng, thống nhất trong cách hiểu và áp dụng.

- Chưa có quy định về việc lập biên bản vi phạm hành chính trong một số trường hợp cụ thể để giải quyết thực tiễn tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, ví dụ như việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm hoặc nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm trong các trường hợp cụ thể.

- Vương mắc xuất phát từ quy định về thời hạn chuyển biên bản vi phạm hành chính là 24 giờ tại khoản 5 Điều 58 Luật XLVPHC dẫn đến trường hợp ra quyết định xử phạt trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính có vi phạm thủ tục xử phạt.

(5) Các quy định liên quan đến sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP phát sinh một số vướng mắc, bất cập:

- Điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp *“áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính”* quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật XLVPHC. Bên cạnh đó, trường hợp *“không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”* quy định tại khoản 4 Điều 12 Luật XLVPHC lại không phải hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Bên cạnh đó, việc quy định hủy bỏ quyết định xử phạt khi áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong một số trường hợp không thực sự cần thiết, mà chỉ cần quy định sửa đổi, bổ sung, tránh những hậu quả pháp lý hông cần thiết khi các quyết định sai sót phải hủy bỏ.

- Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Trường đoàn thanh tra chuyên ngành khi hết thời hạn thanh tra hoặc của chức danh có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn hoặc của chức danh do thay đổi cơ cấu tổ chức dẫn đến không còn thẩm quyền xử phạt hoặc không còn chức danh đó nữa chưa được quy định cụ thể trong Nghị định 118/2021/NĐ-CP.

- Một số quy định về thời hạn ra quyết định đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ quyết định; hiệu lực, thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính cần chỉnh sửa để phù hợp với thực tiễn cũng như Luật XLVPHC.

(6) Quy định về thẩm quyền xem xét hoãn, giảm, miễn tiền phạt trong trường hợp chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP không thực sự phù hợp với Điều 76 và 77 Luật XLVPHC.

(7) Quy định về việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp không thể xác định được theo nguyên tắc của Điều 52 Luật XLVPHC như: Vụ việc có nhiều hành vi vi phạm thuộc nhiều ngành khác nhau, nhưng có hành vi vi phạm không thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; việc chuyển vụ việc có tang vật là hàng cấm tàng trữ, cấm lưu hành đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền xử phạt cao nhất là không thực sự cần thiết, trong khi Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020 đã mở rộng hơn thẩm quyền tịch thu của một số chức danh.

(8) Một số quy định về quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cũng như một số biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính cần được rà soát, sửa đổi, bổ sung để có sự thống nhất, cụ thể, phù hợp thực tiễn.

**3.2.** Ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 06/QĐ-TTg), trong đó, đề ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như: phát triển, hoàn thiện và triển khai hiệu quả ứng dụng di động Công dân số (VNEID) trên cơ sở mở rộng tích hợp các thông tin, dịch vụ như y tế, bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, hoạt động ngân hàng, ứng cứu khẩn cấp, phản ánh hiện trường, tố giác tội phạm... Hiện nay, Luật Xử lý vi phạm hành chính đang quy định hình thức xử phạt *tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn*, theo đó, khi áp dụng hình thức xử phạt này, người có thẩm quyền xử phạt sẽ tước bản giấy giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người vi phạm.

Để triển khai kịp thời, hiệu quả và đồng bộ với Quyết định số 06/QĐ-TTg, nhằm thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, thì cần phải có quy định về việc ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, tạo sự linh hoạt trong quy trình xử phạt vi phạm hành chính.

Bên cạnh đó, căn cứ các văn bản như: Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN,... các cơ quan nhà nước đã và đang tăng cường thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép trên môi trường mạng.

Từ những cơ sở nêu trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính là rất cần thiết, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, tạo thuận lợi và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

*1.1.* Việc xây dựng Nghị định nhằm cụ thể hoá Nghị quyết số 27-NQ/TW, đảm bảo phù hợp với Luật XLVPHC, sự thống nhất với các văn bản khác có liên quan và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

*1.2.* Bảo đảm sự đầy đủ, toàn diện, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, tạo thuận lợi trong áp dụng pháp luật, khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

### **2. Quan điểm**

*2.1.* Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật XLVPHC.

*2.2.* Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật khác trong hệ thống pháp luật hiện hành; bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*2.3.* Sửa đổi, bổ sung quy định những quy định có vướng mắc lớn nhằm khắc phục cơ bản tồn tại, hạn chế trong thực tế triển khai thi hành Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

## **III. BỐ CỤC NGHỊ ĐỊNH**

Nghị bao gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.
- Điều 2: Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC.
- Điều 3: Trách nhiệm tổ chức thực hiện.
- Điều 4: Điều khoản thi hành.

#### IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP sửa đổi **13/43 điều** (chưa bao gồm các các nội dung sửa đổi kỹ thuật), bãi bỏ **01 khoản thuộc Điều 15, 01 điểm, 01 khoản, thuộc Điều 17**, thay thế **09 biểu mẫu** trong Phụ lục kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

**1. Bổ sung quy định về việc yêu cầu quy định biện pháp khắc phục hậu quả tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước (bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)**

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP bổ sung khoản 5a và sau khoản 5 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP theo hướng yêu cầu các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước quy định biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm có quy định áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nhằm xử lý vướng mắc liên quan đến việc Luật XLVPHC không quy định các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt đối với trường hợp quyết định áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

**2. Bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật để xử phạt đối với hành vi vi phạm (bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 7 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)**

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 7 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định cụ thể việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật để xử phạt theo hướng quy định áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực tại thời điểm xem xét, xử lý vụ việc để xác định thẩm quyền, thủ tục và biểu mẫu dung trong xử phạt vi phạm hành chính.

**3. Bổ sung quy định về cách xác định tái phạm, vi phạm hành chính nhiều lần và cách xác định hình thức xử phạt trong trường hợp đó (bổ sung khoản 1a và 1b vào sau khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)**

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP bổ sung quy định về việc xác định các hành vi vi phạm được quy định ở các điểm trong cùng một khoản hoặc các khoản trong cùng một điều với mức độ vi phạm hoặc hậu quả gắn với mức phạt khác nhau và cách xác định khung tiền phạt, khung thời hạn đình chỉ, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với các trường hợp này, cụ thể:

*Thứ nhất*, bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP để quy định nguyên tắc xác định hành vi vi phạm hành chính theo hướng: Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính có mức độ vi phạm hoặc hậu quả gắn với mức phạt khác nhau được quy định ở các điểm trong cùng một khoản hoặc các khoản trong cùng một điều, thì được xác định là vi phạm cùng một hành vi, từ đó, xác định tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

Ví dụ cụ thể: Điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP quy định *xử phạt, trừ điểm giấy phép lái của người điều khiển xe mô tô* đối với hành vi “*Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h*”; điểm a khoản 4 Điều này cũng quy định hành vi “*điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h*”. Như vậy, khi cá nhân, tổ chức vi phạm 02 hành vi nêu trên vào các thời điểm khác nhau, thì được xác định là thực hiện một hành vi vi phạm và có thể bị xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần (trong trường hợp Nghị định quy định vi phạm hành chính nhiều lần là tình tiết tăng nặng).

*Thứ hai*, bổ sung khoản 1b vào sau khoản 1a Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP để quy định nguyên tắc áp dụng hình thức xử phạt đối với vi phạm hành chính nhiều lần theo hướng: nếu hành vi vi phạm hành chính nhiều lần được quy định là tình tiết tăng nặng và thuộc trường hợp quy định tại khoản 1a Điều này của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP thì sẽ bị áp dụng khung tiền phạt cao nhất, khung thời hạn đình chỉ, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề với thời hạn dài nhất quy định đối với hành vi đó trong các lần vi phạm.

#### ***4. Sửa đổi, bổ sung quy định về cách xác định hình thức xử phạt (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)***

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định trong việc xác định hình thức xử phạt như sau:

##### ***4.1. Xác định mức phạt tiền trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ***

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP quy định nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền khi có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo hướng linh hoạt, theo đúng tinh thần của khoản 4 Điều 23, khoản 3 Điều 25 Luật XLVPHC, đồng thời, quy định nếu nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực nhà nước có quy định nguyên tắc xác định tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì áp dụng theo quy định tại nghị định đó. Nếu chưa có quy định cụ thể thì áp dụng theo nguyên tắc sau:

*Thứ nhất*, mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó.

*Thứ hai*, nếu có 01 tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt cụ thể được xác định từ trên mức tối thiểu đến dưới mức trung bình của khung tiền phạt. Nếu có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt đối với hành vi đó.

*Thứ ba*, tương tự như cách xác định mức tiền phạt khi có 01 tình tiết giảm nhẹ, khi có 01 tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt cụ thể sẽ là từ trên mức trung bình đến dưới mức tối đa của khung và khi có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên sẽ bị áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó.

*Thứ tư*, trong trường hợp vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì giảm trừ 01 tình tiết tăng nặng với 01 tình tiết giảm nhẹ, tương tự như vậy với những tình tiết tiếp theo.

#### *4.2. Xác định thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ*

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP quy định về việc xác định thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động thống nhất với cách xác định mức phạt tiền đối với từng trường hợp cụ thể khi có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định không áp dụng nguyên tắc này khi nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực nhà nước đã quy định về nguyên tắc xác định thời hạn tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động khi có tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng mà sẽ áp dụng theo quy định tại các nghị định đó.

#### *4.3. Áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn*

*Thứ nhất*, nhằm tháo gỡ những vướng mắc khi thực hiện việc xác định thời hạn tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong từng trường hợp cụ thể, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo hướng quy định rõ thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong từng trường hợp cụ thể như sau:

(i) Khi cá nhân, tổ chức bị xử phạt nhiều hành vi vi phạm có áp dụng hình thức xử phạt tước đối với các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề khác nhau trong cùng

một lần thì áp dụng khung thời gian tước của từng loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

(ii) Khi cá nhân, tổ chức bị xử phạt nhiều hành vi vi phạm trong cùng một lần, trong đó, có từ 02 hành vi trở lên bị áp dụng hình thức tước quyền sử dụng với cùng một loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề với nhiều khung thời gian tước khác nhau thì áp dụng khung thời gian tước quyền sử dụng của hành vi bị xử phạt có quy định thời hạn tước dài nhất;

(iii) Khi cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần và thuộc trường hợp quy định tại khoản 1a Điều 8 mà bị xử phạt về từng hành vi, trong đó, có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn đối với cùng một loại giấy phép, thì áp dụng khung thời gian tước quyền sử dụng dài nhất quy định đối với hành vi đó trong các lần vi phạm.

*Thứ hai*, khi thời hạn còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngắn hơn thời hạn tước quyền sử dụng thì vẫn áp dụng thời hạn tước quyền sử dụng theo quy định đối với hành vi vi phạm. Đồng thời, sau khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề thực hiện việc cấp đổi hoặc cấp mới giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì cá nhân, tổ chức bị tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quyết định xử phạt cũng không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng có thời hạn mà giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời gian tước theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì cá nhân, tổ chức bị coi là hoạt động không có giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

*Thứ ba*, thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt này thực hiện theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính mà không phụ thuộc vào thẩm quyền cấp giấy phép, chứng chỉ đó.

#### *4.4. Áp dụng hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn*

Khi xác định thời hạn đình chỉ hoạt động có thời hạn, cũng xác định dựa trên các trường hợp và nguyên tắc xác định thời hạn đình chỉ hoạt động trong từng trường hợp tương tự như nguyên tắc xác định thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

#### *4.5. Tạm giữ, giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong xử phạt vi phạm hành chính*

Nhằm triển khai kịp thời, hiệu quả và đồng bộ với Quyết định số 06/QĐ-TTg, thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, thì cần phải có quy định về việc ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện

tử, thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, tạo sự linh hoạt trong quy trình xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP đã bổ sung quy định người có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra thông tin về giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm từ các cơ sở dữ liệu, căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử theo quy định; nếu không thể kiểm tra được thông tin thì yêu cầu cá nhân, tổ chức vi phạm xuất trình giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Tuy nhiên, khi tạm giữ hoặc áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì cá nhân, tổ chức vi phạm vẫn phải giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định trừ trường hợp giấy phép, chứng chỉ được cấp dưới dạng điện tử hoặc được thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu thì thực hiện việc tạm giữ, tước trên môi trường điện tử theo quy định nếu đáp ứng được điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, thông tin. Việc tạm giữ, tước giấy phép chứng chỉ theo hình thức này sẽ được cập nhật trạng thái trên cơ sở dữ liệu hoặc căn cước điện tử theo đúng quy định.

Việc lập, giao nộp biên bản tạm giữ cho người vi phạm, gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đến cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề được thực hiện như quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, cùng với việc ứng dụng công nghệ, khoa học, kỹ thuật vào việc quản lý nhà nước, sau khi nhận được quyết định xử phạt do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính gửi đến thì cơ quan có cấp phép phải cập nhật thông tin về việc giữ, tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề vào cơ sở dữ liệu.

### ***5. Sửa đổi, bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thanh tra (sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 11 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)***

*Thứ nhất*, sửa đổi tên gọi của Điều 11 từ “*thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành*” thành “*xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thanh tra*”.

*Thứ hai*, dự thảo Nghị định dự kiến bổ sung quy định về thẩm quyền đình chỉ, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quyết định, cưỡng chế thi hành đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành theo thứ tự như sau: Trưởng đoàn; người ra quyết định thanh tra; Chánh Thanh tra cấp có thẩm quyền xử phạt đối với vụ việc hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt đối với vụ việc hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

**6. Sửa đổi, bổ sung quy định về lập biên bản vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)**

- Bổ sung các quy định về căn cứ lập biên bản vi phạm hành chính: biên bản, tài liệu ghi nhận vi phạm được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra, thực hiện hoạt động quản lý nhà nước hoặc tiến hành tố tụng.

- Tăng thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính đối với một số trường hợp cụ thể.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về lập biên bản vi phạm hành chính trong trường hợp chuyên hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và trường hợp hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển đến.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về việc lập biên bản vi phạm hành chính trong một số trường hợp, đặc biệt là quy định cụ thể hơn trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính đối với vụ việc có nhiều hành vi vi phạm hành chính, trong đó có các hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền, hành vi vi phạm không thuộc không thuộc thẩm quyền hoặc hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính.

- Bổ sung quy định về việc chuyển biên bản vi phạm hành chính được lập trên biển, trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa.

- Lược bỏ các quy định đã được quy định tại Luật XLVPHC hoặc sửa đổi theo hướng viện dẫn Luật XLVPHC và rà soát, chỉnh sửa một cách tổng thể để bảo đảm các nội dung tại Điều này có sự thống nhất với nhau.

**7. Sửa đổi, bổ sung quy định về hủy bỏ, ban hành quyết định mới, đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính hiệu lực thời hạn, thời hiệu thi hành các quyết định đó (sửa đổi, bổ sung các Điều 13, 14, 16 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)**

**7.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính**

*Thứ nhất, về căn cứ hủy bỏ, ban hành quyết định mới*

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP đã thu hẹp phạm vi các trường hợp phải hủy bỏ toàn bộ quyết định. Theo đó, các trường hợp áp dụng hình thức xử phạt không đầy đủ, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ thì sẽ không phải hủy bỏ toàn bộ quyết định; không quy định tất cả các quyết định vi phạm về thủ tục ban hành quyết định đều phải hủy bỏ, mà chỉ các quyết định vi phạm thủ tục dẫn đến các trường hợp: ra quyết định đối với những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định được ban hành không đúng thẩm quyền, giả

mạo, làm sai lệch hồ sơ, xác định hành vi vi phạm không đúng hoặc xác định hành vi vi phạm trong trường hợp không có hành vi vi phạm xảy ra.

*Thứ hai*, quy định cụ thể các loại quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng các quy định về huỷ bỏ, ban hành mới quyết định theo quy định tại Điều này, theo đó, loại trừ các quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

*Thứ ba*, bổ sung trường hợp huỷ bỏ toàn bộ quyết định xử phạt trong trường hợp cần thiết phải xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 Luật XLVPHC.

*Thứ tư*, bổ sung thời hạn ban hành quyết định mới đối với một số trường hợp là không quá 07 ngày kể từ ngày lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính.

*Thứ năm*, bổ sung thẩm quyền huỷ bỏ quyết định: Tòa án hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền nơi xảy ra vi phạm hoặc người có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực quản lý nhà nước (trong trường hợp người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ cấu tổ chức dẫn đến không còn thẩm quyền xử phạt hoặc không còn tồn tại chức danh đó trên thực tế).

*7.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về đình chính, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính*

*Thứ nhất*, về cơ bản, căn cứ để đình chính, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 68/2025/NĐ-CP vẫn được quy định tương tự như với quy định của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, do căn cứ huỷ bỏ toàn bộ quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã xác định trường hợp vi phạm về thủ tục (mà không dẫn đến vi phạm các vi phạm tại các điểm c, d, e, g và h khoản 1 Điều 13 Nghị định này) không quy định phải huỷ bỏ thì việc căn cứ để sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ một phần cũng phải được quy định cho phù hợp theo hướng sẽ không sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ một phần đối với trường hợp này.

*Thứ hai*, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP cũng quy định về nguyên tắc xác định thẩm quyền đình chính, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ một phần quyết định khi chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã ra quyết định xử phạt nhưng có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ cấu, tổ chức dẫn đến không còn thẩm quyền

xử phạt hoặc không còn chức danh đó như quy định đối với việc hủy bỏ, ban hành quyết định mới.

*Thứ ba, quy định về đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần không áp dụng đối với việc đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần các quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.*

*7.3. Sửa đổi, bổ sung quy định về hiệu lực, thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định đính chính sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hoặc ban hành mới*

Đề bảo đảm phù hợp với Luật XLVPHC và thực tiễn thi hành, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định về hiệu lực, thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định đính chính sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hoặc ban hành mới như sau:

Thứ nhất, chỉ áp dụng thời hạn, thời hiệu đối với các trường hợp liên quan đến quyết định xử phạt hoặc quyết định cưỡng chế mà Luật XLVPHC có quy định về thời hạn, thời hiệu.

Thứ hai, sửa đổi quy định về thời hiệu thi hành quyết định đính chính sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ và quyết định mới, theo đó, các quyết định phải được thi hành kể từ ngày ban hành các quyết định này cho đến thời điểm chấm dứt hiệu lực thi hành quyết định quy định tại Điều 74 Luật XLVPHC. Việc giao quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật XLVPHC.

Thứ ba, sửa đổi quy định về hiệu lực của quyết định đính chính sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ và quyết định mới theo hướng phải có hiệu lực ngay kể từ ngày ký.

***8. Sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành (sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)***

Hiện nay, Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP hiện nay đang quy định thẩm quyền xem xét hoãn, giảm, miễn tiền phạt do người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, quyết định không phù hợp với Điều 76 và Điều 77 Luật XLVPHC (thẩm quyền xem xét hoãn, giảm, miễn tiền phạt do người đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính xem xét, quyết định), do đó, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung Điều này để bảo đảm phù hợp với các quy định tại Điều 76 và Điều 77 Luật XLVPHC.

***9. Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định thẩm quyền xử phạt và tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong một số trường hợp (sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)***

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung toàn bộ Điều 24 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, theo đó, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được xác định theo quy định tại Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, Nghị định đã bổ sung quy định về cách xác định thẩm quyền xử phạt và tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong một số trường hợp cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, đối với vụ việc do người có thẩm quyền thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đang thụ lý, giải quyết nhưng phải chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt thì việc chuyển hồ sơ có thể được quy định cụ thể tại các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước hoặc theo thứ tự sau đây:

(i) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại địa phương.

(ii) Chánh Thanh tra bộ hoặc người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cao nhất trong ngành, lĩnh vực quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

Tuy nhiên, nếu vụ việc có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là bất động sản, tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, các loại hàng hóa, phương tiện công kênh, khó vận chuyển, chi phí vận chuyển cao thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

*Thứ hai*, đối với vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau mà trong đó có hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì thực hiện như sau:

(i) Đối với những hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm;

(ii) Đối với những hành vi không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì xác định như sau: Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi vi phạm đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó; Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá trị giá tang vật, phương tiện bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

*Thứ ba*, sửa đổi, bổ sung quy định về xác định thẩm quyền xử phạt đối với trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng cấm tàng trữ, cấm lưu hành theo hướng mở rộng hơn, không dồn vụ việc lên người có thẩm quyền xử phạt cao nhất hay Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:

(i) Nếu người đang giải quyết vụ việc thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý quy định tại các điều từ Điều 39 đến Điều 49 và Điều 51 Luật Xử lý vi phạm hành chính không có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phụ thuộc vào thẩm quyền phạt tiền thì phải chuyển vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt trong ngành, lĩnh vực đó có thẩm quyền tịch thu không phụ thuộc vào giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

(ii) Nếu người đang giải quyết vụ việc không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì phải chuyển vụ vi phạm đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm;

(iii) Nếu người đang giải quyết vụ việc có căn cứ để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng cấm tàng trữ, cấm lưu hành, thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo quy định tại Chương II Phần thứ hai Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định của nghị định về xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP còn sửa đổi tên gọi của Điều 24 từ “*xác định thẩm quyền xử phạt trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng cấm tàng trữ, cấm lưu hành*” thành “*xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong một số trường hợp*” để bảo đảm tính bao quát đối với toàn bộ các quy định tại Điều này.

## ***10. Sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính***

*Thứ nhất*, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP theo hướng chỉ quy định trách nhiệm chung, không quy định cụ thể nội dung này mà thực hiện theo Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.

*Thứ hai*, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về nội dung của Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP như: bổ sung nội dung “*các loại hành vi vi phạm phổ biến*” tại điểm a khoản 2; sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 thành: “*b) Số lượng vụ vi phạm hành chính, vụ bị xử phạt vi phạm hành chính, vụ không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 65 Luật Xử lý vi phạm*

*hành chính, vụ đã bị lập biên bản vi phạm hành chính nhưng chưa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt;”;* bỏ nội dung “*số giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng có thời hạn; số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn*” tại điểm c khoản 2. Bổ sung nội dung “*Số lượng đối tượng đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại;”* trong Báo cáo về tình hình áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

*Thứ ba*, sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

(i) Trách nhiệm về xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi ngành, lĩnh vực mình quản lý, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp;

(ii) Trách nhiệm thực hiện thanh tra, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

(iii) Trách nhiệm hướng dẫn thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc theo đề nghị của bộ, ngành, địa phương để thống nhất với trách nhiệm của Bộ Tư pháp, cũng như phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ;

(iv) Trách nhiệm của Bộ Công an trong việc báo cáo tình hình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, g1, h, i và k khoản 3 Điều 35 của Nghị định này;

(v) Trách nhiệm trong việc phân công đầu mối thực hiện nhiệm vụ chủ trì, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

***11. Bổ sung quy định về việc ghi nội dung biểu mẫu (bổ sung khoản 4a và 4b vào sau khoản 4 Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)***

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP đã bổ sung quy định về việc ghi nội dung biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng cụ thể:

*Thứ nhất*, đối tượng vi phạm là hộ gia đình, hộ kinh doanh, cộng đồng dân cư được ghi tại phần thông tin của tổ chức, cụ thể như sau:

- Tại mục ghi “tên của tổ chức”: Ghi rõ tên chủ hộ gia đình đối với đối tượng là hộ gia đình, ghi rõ tên của hộ kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký

doanh nghiệp đối với đối tượng là hộ kinh doanh, ghi rõ cụm từ “cộng đồng dân cư” gắn với địa chỉ đối với đối tượng là cộng đồng dân cư;

- Tại mục ghi “mã số doanh nghiệp”: Ghi mã số hộ kinh doanh đối với đối tượng vi phạm là hộ kinh doanh, gạch chéo đối với đối tượng là hộ gia đình và cộng đồng dân cư;

- Tại mục ghi “số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động”: ghi “số giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh” đối với đối tượng vi phạm là hộ kinh doanh, gạch chéo đối với đối tượng là hộ gia đình và cộng đồng dân cư;

- Tại mục ghi “người đại diện theo pháp luật”, ghi rõ họ và tên chủ hộ gia đình đối với hộ gia đình, ghi rõ họ và tên chủ hộ kinh doanh đối với đối tượng hộ kinh doanh, ghi rõ họ và tên người đại diện cho cộng đồng dân cư là trưởng thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra đối với đối tượng là cộng đồng dân cư.

*Thứ hai*, đối tượng vi phạm là tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức được ghi tại phần thông tin của tổ chức, cụ thể như sau:

- Tại mục ghi “tên của tổ chức”, ghi rõ tên của tổ hợp tác theo quy định của Chính phủ về tổ hợp tác với đối tượng là tổ hợp tác, ghi rõ tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định pháp luật về doanh nghiệp đối với đối tượng là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

- Tại mục ghi “mã số doanh nghiệp”, ghi mã số tổ hợp tác đối với đối tượng vi phạm là tổ hợp tác, ghi mã số chi nhánh đối với đối tượng vi phạm là chi nhánh, ghi mã số văn phòng đại diện đối với đối tượng vi phạm là văn phòng đại diện, ghi mã số địa điểm kinh doanh đối với đối tượng vi phạm là địa điểm kinh doanh;

- Tại mục ghi “người đại diện theo pháp luật”, ghi họ và tên người đại diện theo ủy quyền của các thành viên tổ hợp tác đối với đối tượng là tổ hợp tác, ghi họ và tên của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với đối tượng là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

## ***12. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, khoản thuộc điều và biểu mẫu của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP***

### ***12.1. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP***

(i) Bổ sung 02 từ “vụ” vào trước 02 từ “bưu chính” tại điểm c khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

(ii) Bãi bỏ cụm từ “và trật tự, an toàn xã hội” tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

(iii) Bãi bỏ các cụm từ “ma túy,” và “vật thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành,” tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

(iv) Bổ sung từ “xử lý” vào trước cụm từ “vi phạm hành chính” thứ hai tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

(v) Bãi bỏ cụm từ “, Bảo hiểm xã hội Việt Nam” tại các khoản 2 và 3 Điều 31, khoản 1 Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 36, tên Điều 37, tên khoản 1 Điều 37, điểm e khoản 1 Điều 37 và tên khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

(vi) Bổ sung cụm từ “hoặc theo kế hoạch” vào sau cụm từ “quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức” tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

(vii) Bãi bỏ cụm từ “Bảo hiểm xã hội Việt Nam,” tại điểm a khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

(viii) Thay thế cụm từ “các khoản 1, 2 và 5 Điều 37” bằng cụm từ “khoản 1, các điểm a và d khoản 2, khoản 5 Điều 37” tại khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

#### *12.2. Bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP*

Bãi bỏ khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 17 và điểm b khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

#### *12.3. Thay thế các biểu mẫu tại Phụ lục một số biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP*

Thay thế các mẫu quyết định số 01, mẫu quyết định số 02, mẫu quyết định số 11, mẫu quyết định số 38, mẫu quyết định số 39, mẫu quyết định số 40, mẫu biên bản số 01, mẫu biên bản số 05 và mẫu biên bản số 27 tại “Phụ lục một số biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính” ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP bằng lần lượt các mẫu quyết định số 01, mẫu quyết định số 02, mẫu quyết định số 11, mẫu quyết định số 38, mẫu quyết định số 39, mẫu quyết định số 40, mẫu biên bản số 01, mẫu biên bản số 05 và mẫu biên bản số 27 ban hành kèm theo Nghị định này.

### **13. Điều khoản thi hành**

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/5/2025.

Điều 4 Nghị định quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện. Theo đó, Nghị định quy định Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này. Đồng thời, cũng quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan.